TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 18-3-2022
V/v "Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Xuân Thành

Ông Phan Hải Thanh

- Thư ký phiên tòa **:** Bà Lê Thị Xuân – Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 178/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2021 về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Lê Thị L, sinh năm 1993;

Địa chỉ cư trú: Xóm B, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An; vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn*: Anh Trần Văn N, sinh năm 1992;

Địa chỉ cư trú trước xuất cảnh: Xóm B, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An;

Hiện đang cư trú tại: Nước Rumani; vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai, giấy ủy quyền và đơn xin xét xử vắng mặt chị Lê Thị L trình bày:

Chị và anh Trần Văn N có đăng ký kết hôn vào ngày 11 tháng 3 năm 2013 tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống bình thường. Tuy nhiên, do vợ chồng kết hôn đã lâu nhưng chưa có con chung nên giữa vợ chồng có nhiều áp lực trong cuộc sống. Đến tháng 3/2021,

anh Trần Văn N đi xuất khẩu lao động tại Rumani, từ đó vợ chồng ít liên lạc với nhau. Đặc biệt, sau khoảng vài tháng anh Nghĩa ở Rumani thì chị nghe tin anh N đã sống chung với người phụ nữ khác nên vợ chồng cắt đứt liên lạc với nhau. Do không liên lạc nên chị không biết địa chỉ cụ thể của anh N ở nước ngoài. Nay chị nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn N.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Lê Thị L đang cư trú tại Việt Nam, do dịch bệnh Covid diễn biến phức tạp, hạn chế đi lại và tiếp xúc nên chị đã ủy quyền cho chị Nguyễn Thị Cúc, sinh năm 1987, địa chỉ cư trú: Xóm 2, xã Hưng Thịnh, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An nộp đơn khởi kiện ly hôn, tài liệu, tạm ứng án phí và nhận các văn bản của Tòa án. Đồng thời, chị có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị.

Bị đơn anh Trần Văn N, hiện đang ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đã cấp, tống đạt, thông báo, niêm yết đầy đủ, hợp lệ các văn bản tố tụng qua thân nhân của anh Trần Văn N là ông Trần Văn Hòa và bà Trần Thị T (bố mẹ của anh N) đến lần thứ hai mà thân nhân của anh N cũng không cung cấp địa chỉ của anh N ở nước ngoài cho Tòa án biết. Đồng thời, cho đến nay anh Trần Văn N cũng không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án và vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Việc thu thập chứng cứ và xét xử vụ án vắng mặt các đương sự bảo đảm tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật. Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án ông Trần Văn Hòa và bà Trần Thị T là bố mẹ đẻ của anh N có đơn trình bày: Anh Trần Văn N là con trai của ông bà, giữa chị Lan và anh Nghĩa có nhiều mâu thuẫn như đơn chị Lan trình bày là đúng. Hiện nay, anh N đang làm việc tại nước Rumani và thỉnh thoảng liên lạc về gia đình bằng điện thoại để hỏi thăm sức khỏe. Do giấy tờ cư trú của anh Nghĩa chưa hoàn thiện nên anh Nghĩa không cung cấp địa chỉ cụ thể cho gia đình. Vì vậy, gia đình không biết địa chỉ của anh N ở nước ngoài để cung cấp cho Tòa án. Sau khi nhận được các văn bản của Tòa án, ông bà đã thông tin cho anh N biết việc chị L nộp đơn ly hôn anh tại Tòa án. Qua trao đổi điện thoại thì anh N cho biết vợ chồng đã mâu thuẫn từ lâu, không có con chung, tài sản chung nên muốn giải thoát cho nhau. Tuy nhiên, anh Nghĩa không gửi văn

bản trình bày ý kiến cho Tòa án. Việc anh Trần Văn N vắng mặt được xác định là cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lê Thị L, cho chị L được ly hôn với anh Trần Văn N. Về con chung: Chị Lê Thị L trình bày, chị và anh Trần Văn N không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết và anh Nghĩa cũng chưa có ý kiến nên đề nghị không xem xét, giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lê Thị Lan không yêu cầu và anh Trần Văn N chưa có ý kiến nên đề nghị Tòa án không xem xét, giải quyết trong vụ án này. Dành quyền khởi kiện cho các đương sự bằng một vụ án khác khi có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Vụ án ly hôn không có tranh chấp con chung, tài sản chung nhưng Tòa án phải tiến hành thu thập chứng cứ nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát phải tham gia phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về thẩm quyền giải quyết: Chị Lê Thị L có địa chỉ cư trú tại tỉnh Nghệ An, Việt Nam khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn N hiện cư trú ở nước ngoài; trước xuất cảnh, anh N có địa chỉ cư trú tại tỉnh Nghệ An, Việt Nam nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An theo quy định tại Điều 37, Điều 40, Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 122, Điều 123, Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình.

Về thủ tục hòa giải: Căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án không tiến hành hòa giải được vì bị đơn anh Trần Văn N không thể tham gia hòa giải được do vắng mặt tại nơi cư trú và hiện đang ở nước ngoài. Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh N vẫn cố tình vắng mặt.

Về sự vắng mặt của đương sự: Do tình hình dịch Covid 19 đang diễn biến phức tạp, hạn chế đi lại và tiếp xúc nên nguyên đơn chị Lê Thị L đã ủy quyền cho chị Nguyễn Thị Cúc, sinh năm 1987, địa chỉ cư trú: Xóm 2, xã Hưng Thịnh, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An nộp đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai và tài liệu cho Tòa án. Đồng thời, chị L có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Chị L phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về các tài liệu và chứng cứ mà chị nộp cho Tòa án. Bị đơn anh Trần Văn N hiện đang ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đã cấp, tống đạt, thông báo, niêm yết đầy đủ, hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh N thông qua người nhân là ông Trần Văn Hòa và bà Trần Thị T (bố mẹ của anh

N) gồm các văn bản: Thông báo thụ lý vụ án; Công văn "Yêu cầu cung cấp địa chỉ của anh Trần Văn N"; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và các văn bản tố tụng khác. Đồng thời, yêu cầu anh N trình bày ý kiến của mình về việc chị L có đơn xin ly hôn. Tòa án đã yêu cầu đến lần thứ hai mà thân nhân của anh N cũng không cung cấp địa chỉ, tin tức của anh N cho Tòa án biết. Về phía ông Trần Văn Hòa và bà Trần Thị T (bố mẹ của anh N) có đơn trình bày: Anh Trần Văn N là con trai của ông bà, giữa chị Lan và anh Nghĩa có nhiều mâu thuẫn như đơn chị Lan trình bày là đúng. Hiện nay, anh N đang làm việc tại nước Rumani, và thỉnh thoảng liên lạc về gia đình bằng điện thoại để hỏi thăm sức khỏe. Do giấy tờ cư trú của anh Nghĩa chưa hoàn thiện nên anh Nghĩa không cung cấp địa chỉ cụ thể cho gia đình. Vì vậy, gia đình không biết địa chỉ của anh N ở nước ngoài để cung cấp Tòa án. Sau khi nhận được các văn bản của Tòa án, ông bà đã thông tin cho anh N biết việc chị L nộp đơn ly hôn anh tại Tòa án. Qua trao đổi điện thoại thì anh N cho biết vợ chồng đã mâu thuẫn từ lâu, không có con chung, tài sản chung nên muốn giải thoát cho nhau. Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đã mở phiên tòa sơ thẩm lần thứ nhất vào ngày 12/02/2022 và lần thứ 2 vào ngày 18/3/2022 nhưng cả hai lần anh Nghĩa đều vắng mặt không có lý do và không gửi văn bản trình bày ý kiến cho Tòa án. Do đó, việc anh Trần Văn N vắng mặt thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ; từ chối khai báo theo quy định tại Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, hướng dẫn về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài không rõ địa chỉ. Để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp cho đương sự. Căn cứ vào khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị L và anh Trần Văn N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An vào ngày 11 tháng 3 năm 2013, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống bình thường. Tuy nhiên, do vợ chồng kết hôn đã lâu nhưng chưa có con chung nên giữa vợ chồng có nhiều áp lực trong cuộc sống. Đến tháng 3/2021, anh Trần Văn N đi xuất khẩu lao động tại nước Rumani, từ đó vợ chồng ít liên lạc với nhau. Đặc biệt, sau khoảng vài tháng anh Nghĩa ở nước Rumani thì chị L nghe tin anh N đã sống chung với người phụ nữ khác nên vợ chồng cắt đứt liên lạc với nhau. Do không liên lạc nên chị không biết địa chỉ cụ thể của anh N ở nước ngoài. Theo công văn số 25539/QLXNC-P5 ngày 29/10/2021 của Cục quản lý xuất nhập cảnh, Bộ Công an cung cấp: Anh Trần Văn N có thông tin xuất nhập cảnh nhiều lần (08 lượt), lần cuối xuất cảnh ngày 02/3/2021, qua cửa khẩu Nội Bài, hiện chưa có thông tin nhập cảnh. Nay chị Lan nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị nộp đơn yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn N. Xét thấy, hôn nhân giữa chị Lê Thị L và anh Trần Văn N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung

không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Lê Thị L yêu cầu giải quyết ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

[3]. Về con chung: Chị Lê Thị L trình bày, chị và anh Trần Văn N không có con chung nên không yêu cầu giải quyết và anh N chưa có ý kiến. Vì vậy, Tòa án không xem xét, giải quyết.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lê Thị L không yêu cầu và anh Trần Văn N chưa có ý kiến nên Tòa án không xem xét, giải quyết trong vụ án này. Dành quyền khởi kiện cho các đương sự bằng một vụ án khác khi có yêu cầu.

[5]. Về án phí: Chị Lê Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56; Điều 122; Điều 123; Điều 127 của Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ vào Điều 37; Điều 40; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 207; khoản 1, khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273; Điều 469; khoản 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Lê Thị L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị L được ly hôn anh Trần Văn N.

2. Về con chung: Tòa án không giải quyết.

3. Về tài sản chung: Tòa án không giải quyết trong vụ án này.

Dành quyền khởi kiện cho các đương sự bằng một vụ án khác khi có yêu cầu.

4. Về án phí: Chị Lê Thị L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng chị đã nộp đủ theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0011545 ngày 11/11/2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An. Chị Lê Thị L đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị L có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết. Anh Trần

Văn N có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày Bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND xã D, D, NA;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Văn Quỳnh